

Hoàn thiện công tác quản lý nhà nước trong xây dựng nông thôn mới tại huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau

Completing the state management of new rural construction in Cai Nuoc district, Ca Mau province

Trương Minh Sang^{1,2}, Phan Thị Cúc²

¹Ban quản lý dự án xây dựng huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau

²Trường Đại học Bình Dương

Tác giả liên hệ: Trương Minh Sang. Email: minhsang.18112016@gmail.com

Tóm tắt: Bài viết đã khái quát cơ sở lý luận về nông thôn mới và xây dựng nông thôn mới, thực trạng cho thấy công tác quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới tại địa phương còn hạn chế nhiều mặt: (i) Công tác hoạch định chính sách; (ii) Công tác hoạch định kế hoạch, quy hoạch; (iii) Công tác triển khai thực hiện các văn bản pháp luật; (iv) Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về việc thực hiện các chính sách của địa phương. Nghiên cứu đã thực hiện 50 khảo sát từ các nhà quản lý đánh giá về thực trạng công tác quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới. Từ đó tìm ra những tồn tại, hạn chế và đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý nhà nước trong xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

Từ khóa: *Nông thôn mới; Quản lý nhà nước; Xây dựng nông thôn mới.*

Abstract: The article outlines the theoretical foundations of New Rural Development and evaluates the current state of public administration in this area, revealing several limitations: (i) Policy formulation; (ii) Planning and zoning; (iii) Implementation of legal documents; (iv) Inspection, examination, and supervision of local policy enforcement. The study conducted 50 surveys with local administrators to assess the effectiveness of state management in New Rural Development. From these findings, the article identifies existing issues and proposes solutions to improve public administration in this field at the local level.

Keywords: *New countryside; New rural construction; State management*

1. Giới thiệu

Tại Việt Nam, chương trình nông thôn mới (NTM) với mục tiêu nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân nông thôn. Chương trình này đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, nhưng vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn trong công tác quản lý nhà nước, bao gồm sự thiếu hụt nguồn lực, phân phối không đều giữa các vùng miền, và cơ chế giám sát còn hạn chế [1], [2].

Nghiên cứu chỉ ra rằng, trong quá trình hoạch định chính sách, việc thiếu cơ sở dữ liệu chính xác và đầy đủ đã dẫn đến những khó khăn trong việc triển khai [3]. Công tác phát triển các văn bản pháp luật còn chậm trễ, gây ảnh hưởng đến hiệu quả của chương trình NTM [4].

Nhiều quốc gia trên thế giới đã triển khai các chương trình phát triển nông thôn thành công, như: (i) Hàn Quốc: Chương trình Saemaul Undong đã thành công trong việc cải thiện đời sống nông thôn nhờ sự hợp tác chặt chẽ giữa chính phủ và cộng đồng địa phương. Quá trình quản lý và giám sát chặt chẽ đã giúp chương trình đạt được những thành tựu đáng kể [5]. (ii) Trung Quốc: Với trọng tâm là phát triển cơ sở hạ tầng và dịch vụ công, Trung Quốc đã thúc đẩy phát triển nông thôn thông qua các chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp và sự tham gia mạnh mẽ của cộng đồng [6]. (iii) Ấn Độ: Ấn Độ đã áp dụng chiến lược phát triển nông thôn với trọng tâm là giáo dục và y tế, từ đó cải thiện chất

lượng nguồn nhân lực và thúc đẩy phát triển kinh tế vùng nông thôn [7].

Vì thế, việc xây dựng nông thôn mới mang ý nghĩa to lớn trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và giảm thiểu khoảng cách phát triển giữa nông thôn và thành thị. Chương trình này góp phần tạo ra hạ tầng cơ sở tốt hơn, cải thiện môi trường sống, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, đồng thời xây dựng một cộng đồng nông thôn vững mạnh, đoàn kết, đáp ứng được những yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách và nghị quyết quan trọng nhằm thúc đẩy xây dựng NTM. Một trong những văn bản quan trọng nhất là Nghị quyết số 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, ban hành ngày 5 tháng 8 năm 2008 [8]. Nghị quyết này đặt nền móng cho việc triển khai chương trình xây dựng NTM. Công tác quản lý tài chính trong xây dựng NTM bao gồm việc phân bổ nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, vốn vay và huy động từ cộng đồng [9]. Tài chính được quản lý chặt chẽ để đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong việc sử dụng. Hệ thống giám sát và đánh giá (GS&ĐG) đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng và tiến độ của các dự án xây dựng NTM. Báo cáo GS&ĐG định kỳ giúp nhận diện kịp thời những khó khăn và thách thức, từ đó điều chỉnh chính sách và biện pháp triển khai [3]. Cộng đồng dân cư có vai trò trung tâm trong việc thực hiện chương trình xây dựng NTM. Sự tham gia tích cực của người dân trong các hoạt động xây dựng và quản lý dự án là yếu tố then chốt đảm bảo thành công của chương trình [11].

Bên cạnh những kết quả đạt được, tại địa phương vẫn còn gặp phải không ít

những khó khăn, hạn chế đó là: (1) Xây dựng nông thôn mới (XDNTM) liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, khối lượng công việc nhiều, được phân cấp triệt để cho cơ sở; trong khi đó, năng lực, trình độ của một bộ phận cán bộ lãnh đạo xã, ấp còn hạn chế, nhiều cán bộ lúng túng trong triển khai thực hiện. Một bộ phận cán bộ và người dân chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của Chương trình XDNTM. Người dân chưa nhận thức đầy đủ về vị trí và vai trò của mình, của cộng đồng trong XDNTM; còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại, thụ động hoặc nóng vội. (2) Nhu cầu vốn để XDNTM là rất lớn, nhưng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách và sự vận động các mạnh thường quân, các nhà tài trợ, các doanh nghiệp và sự đóng góp của nhân dân có giới hạn. Công tác quản lý nhà nước (QLNN) và triển khai thực hiện Chương trình XDNTM còn chưa chặt chẽ và thiếu tính đồng bộ, kiểm tra giám sát chưa kịp thời... Từ đó, đặt ra những thách thức: (i) Mặc dù đã có nhiều nỗ lực huy động nguồn lực, nhưng việc phân bổ và sử dụng tài chính vẫn gặp nhiều khó khăn [9]. (ii) Ở một số địa phương, năng lực quản lý và thực hiện của cán bộ còn hạn chế, dẫn đến hiệu quả công việc chưa cao [12]. (iii) Sự phát triển không đồng đều giữa các vùng miền tạo ra khoảng cách lớn về mức sống và điều kiện hạ tầng [11].

Tuy nhiên trong bài viết này chỉ tập trung về công tác quản lý nhà nước trong xây dựng nông thôn mới tại địa phương, bao gồm: (i) Công tác hoạch định chính sách; (ii) Công tác hoạch định kế hoạch, quy hoạch; (iii) Công tác triển khai thực hiện các văn bản pháp luật; (iv) Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về việc thực hiện các chính sách. Trên cơ sở đó đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác QLNN trong XDNTM tại huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau đến năm 2030.

2. Cơ sở lý luận và khái niệm liên quan

2.1. Khái niệm về quản lý, quản lý nhà nước

Quản lý là sự tác động có ý thức để chỉ huy, điều hành, hướng dẫn, các quá trình xã hội và hành vi hoạt động của con người để hướng đến mục đích, đúng ý chí và phù hợp với quy luật khách quan. Mục đích của quản lý là điều khiển, chỉ đạo chung con người, phối hợp các hoạt động riêng lẻ của từng cá nhân tạo thành một hoạt động chung thống nhất của cả tập thể và hướng hoạt động chung đó theo những mục tiêu định trước [1].

Như vậy, ta có thể hiểu thuật ngữ quản lý là sự tác động có chủ đích, có tổ chức của chủ thể quản lý lên đối tượng bị quản lý và khách thể của quản lý nhằm sử dụng có hiệu quả nhất các tiềm năng, các cơ hội của hệ thống để đạt được mục tiêu đặt ra trong điều kiện biến động của môi trường.

Quản lý nhà nước (QLNN) là quá trình mà nhà nước sử dụng quyền lực công để điều hành, tổ chức và kiểm soát các hoạt động xã hội nhằm đạt được mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ quyền lợi của công dân và duy trì trật tự xã hội. Quản lý nhà nước là "hoạt động mang tính tổ chức và quyền lực nhà nước để thực hiện chức năng quản lý hành chính nhà nước đối với xã hội" [13]. Nó bao gồm việc ban hành và thực hiện các chính sách, pháp luật; quản lý các nguồn lực của quốc gia; và giám sát, kiểm tra việc thực hiện các quyết định của nhà nước. Ngoài ra, quản lý nhà nước là một quá trình phức tạp, đòi hỏi sự phối hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan hành chính nhà nước, các tổ chức xã hội và công dân nhằm bảo đảm sự công bằng, minh bạch và hiệu quả trong các hoạt động quản lý [14].

Như vậy, QLNN là sự tác động có tổ chức và bằng quyền lực nhà nước đối

với các quá trình xã hội, các hành vi và hoạt động của mọi công dân, tổ chức trong xã hội theo đường lối, quan điểm của Đảng cầm quyền nhằm duy trì và phát triển trật tự xã hội, bảo toàn, củng cố và phát triển quyền lực nhà nước. Mặt khác, QLNN được hiểu theo nghĩa rộng và nghĩa hẹp: (i) Theo nghĩa rộng, quản lý nhà nước là hoạt động tổ chức, điều hành của cả bộ máy nhà nước, nghĩa là bao hàm luôn cả sự tác động, tổ chức của quyền lực nhà nước trên phương diện lập pháp. (ii) Theo nghĩa hẹp, QLNN chủ yếu là quá trình tổ chức, điều hành của cả cơ quan hành chính nhà nước đối với các quá trình xã hội và hành vi của con người theo pháp luật, nhằm đạt được những mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ QLNN. Đồng thời, các cơ quan nhà nước nói chung còn thực hiện các hoạt động có tính chấp hành, điều hành, tính chất hành chính nhà nước nhằm xây dựng và tổ chức bộ máy và củng cố chế độ công tác nội bộ của mình.

2.2. Khái niệm XDNTM và QLNN về XDNTM

XDNTM là quá trình xây dựng kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường nông thôn nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống người dân nông thôn, phát triển hài hòa, rút ngắn khoảng cách giữa thành thị với nông thôn [4]. XDNTM là chính sách phát triển nông nghiệp và nông thôn, đổi mới phương thức sản xuất, áp dụng kỹ thuật, khoa học hiện đại, từng bước nâng cao năng suất lao động, giải quyết tốt việc làm cho người lao động, sử dụng nguồn lực lao động với trình độ kỹ thuật cao, gắn liền phát triển nông nghiệp với công nghiệp, phát triển kinh tế xã hội bền vững [3]. Chương trình XDNTM có những mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ, giải pháp, phương thức tổ chức thực hiện hết sức cụ thể [15]. QLNN về nông thôn là sự

tác động có tổ chức và điều hành bằng quyền lực Nhà nước thông qua một bộ máy quản lý tác động lên các quá trình, các hoạt động kinh - tế xã hội ở nông thôn nhằm đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nông thôn đã đề ra [2].

XDNTM là nhằm tạo ra những giá trị mới, những ‘cái mới’ cho nông thôn Việt Nam. Đó là một nông thôn hiện đại có diện mạo mới. Trong điều kiện hiện nay của nước ta, XDNTM là cuộc vận động lớn, một quyết tâm chính trị nhất quán của Đảng và Nhà nước nhằm tạo dựng một nông thôn Việt Nam hiện đại, phát triển toàn diện, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người nông dân. Tóm lại, QLNN về XDNTM là một phần trong hệ thống công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội ở địa phương. Các hoạt động này nhằm quản lý và tác động tới khu vực nông nghiệp, nông thôn nhằm đạt được sự phát triển bền vững về kinh tế, đảm bảo cuộc sống vật chất và tinh thần cho người dân nông thôn thông qua thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới.

2.3. Nội dung của công tác QLNN về XDNTM

Công tác QLNN về XDNTM bao gồm: (i) Công tác hoạch định chính sách bao gồm: Luật, Nghị định, Thông tư, Quyết định và các Chương trình mục tiêu Quốc gia do Chính phủ và Bộ, ngành Trung ương ban hành. (ii) Công tác hoạch định kế hoạch, quy hoạch ngắn hạn (1 năm) và dài hạn (5 năm). (iii) Công tác triển khai thực hiện các văn bản pháp luật của Chính phủ và Bộ, ngành Trung ương. (iv) Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về việc thực hiện các chính sách của địa phương, rút ra các bài học kinh nghiệm và đề ra những giải pháp để thực hiện các chính sách đạt hiệu quả [1],[2],[8].

2.4. Phương pháp nghiên cứu

Điều tra lấy ý kiến khách quan của chuyên gia về công tác QLNN: Gửi phiếu điều tra đến 50 chuyên gia là những người có kinh nghiệm và đang công tác tại các cơ quan QLNN trong lĩnh vực XDNTM ở các xã và huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau (Chủ tịch, Phó Chủ tịch xã, thị trấn, huyện và các thành viên Ban chỉ đạo XDNTM huyện).

Sử dụng thang Likert 5 mức độ đánh giá vào câu hỏi của phiếu điều tra. Xếp loại đánh giá được chia như sau: từ 1-1,8 điểm là kém; từ >1,8-2,6 điểm là yếu; từ >2,6-3,4 điểm là trung bình; từ >3,4-4,2 điểm là khá; từ >4,2-5,0 điểm là tốt.

Phương pháp thống kê mô tả: Các số liệu được tổng hợp từ các phiếu điều tra sẽ được tính toán các chỉ số, các chỉ tiêu và được thống kê mô tả tính chất, đặc điểm của từng nội dung nghiên cứu. Sử dụng phương pháp so sánh, tổng hợp, thông qua các bảng biểu, hình ảnh, biểu đồ... Sử dụng Excel 2010 để tổng hợp phiếu điều tra và thống kê.

3. Kết quả thảo luận

3.1. Phân tích tình hình thực hiện các dự án được giao huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau giai đoạn 2019-2023

3.1.1. Số dự án hỗ trợ theo chương trình MTQG

Năm 2019, tổng số tiểu dự án đã và đang triển khai thực hiện 02 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế. Số hộ tham gia 35 hộ, trong đó 35 hộ nghèo. Tổng kinh phí thực hiện 420 triệu đồng, trong đó kinh phí hỗ trợ từ nhà nước 249 triệu đồng, đối ứng của người dân 171 triệu đồng. Kết quả thực hiện mục tiêu tăng thu nhập của các hộ nghèo, hộ cận nghèo sau khi được hỗ trợ phát triển sản xuất đã thoát 20 hộ nghèo.

Năm 2020, tổng số tiểu dự án đã và đang triển khai thực hiện 02 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế. Số hộ tham gia 20 hộ, trong đó 10 hộ nghèo, 08 hộ cận nghèo, 02 mới thoát nghèo. Tổng kinh phí thực hiện 375 triệu đồng, trong đó kinh phí hỗ trợ từ nhà nước 281 triệu đồng, đối ứng của người dân 94 triệu đồng.

Năm 2021, tổng số dự án đã và đang triển khai thực hiện 03 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế. Có 21 hộ tham gia, trong đó 18 hộ nghèo, 01 cận nghèo và 02 hộ mới thoát nghèo. Tổng kinh phí thực hiện 280 triệu đồng, trong đó kinh phí hỗ trợ từ nhà nước 175 triệu đồng, đối ứng của người dân 105 triệu đồng.

Năm 2022, tổng số dự án đã và đang triển khai thực hiện 02 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình MTQG. Có 53 hộ tham gia, tổng kinh phí thực hiện 600 triệu đồng, trong đó kinh phí hỗ trợ từ nhà nước 480 triệu đồng, đối ứng của người dân 120 triệu đồng.

Năm 2023, tổng số dự án đã và đang triển khai thực hiện 03 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình MTQG. Có 50 hộ tham gia, tổng kinh phí thực hiện 550 triệu đồng, trong đó kinh phí hỗ trợ từ nhà nước 400 triệu đồng, đối ứng của người dân 150 triệu đồng.

3.1.2. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng

Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước (NSNN) cấp để thực hiện chương trình XDNTM gồm nguồn từ ngân sách trung ương và từ ngân sách địa phương. Nguồn từ ngân sách trung ương cấp trực tiếp cho chương trình XDNTM được cấp theo kế hoạch đã được phê duyệt trên cơ sở đề xuất của UBND xã và được UBND cấp huyện thông báo cụ thể. Nguồn vốn sự nghiệp được sử dụng chủ yếu cho công tác tập huấn, tuyên truyền các nội dung của chương trình đến các đối tượng và cho phát triển sản xuất. Các nguồn vốn khác tập trung chủ yếu cho các công trình hạ tầng cơ sở.

Bảng 1. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giai đoạn 2019 – 2023
(ĐVT: Triệu đồng)

Tiêu chí	Năm					Tổng	Tỷ lệ (%)
	2019	2020	2021	2022	2023		
Quy hoạch	29.637,8	27.714,5	7.945,2	3.583,2	419,2	69.299,90	5,89
HT-KT-XH	95.462,9	280.969,4	356.124,3	124.716,3	121.583,6	978.856,50	83,26
KT-TCSX	28.187,5	14.637,5	6.237,5	5.012,5	4.812,5	58.887,50	5,01
VH-XH-MT	10.071,4	13.181,4	13.081,4	8.910,0	9.915,0	55.159,20	4,69
HT chính trị	2.754,0	2.854,0	2.554,0	2.754,0	2.554,0	13.470,00	1,15
Tổng	366.113,6	339.356,8	385.942,4	144.976,0	139.284,3	1.175.673,1	100,0

Nguồn: UBND huyện Cái Nước tỉnh Cà Mau, 2023

Bảng 1 cho thấy nguồn NSNN được phân bổ thực hiện tất cả các nhóm tiêu chí, trong đó ưu tiên cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội lớn nhất, với tổng số vốn là 978.856,5 triệu đồng (chiếm 83,26%); tiếp đến là quy hoạch XDNTM với 69.229,9 triệu đồng (chiếm 5,89%); kỹ thuật tiếp cận sản xuất với 58.887,5 triệu đồng (chiếm

5,01%); đầu tư văn hóa xã hội môi trường 55.159,2 triệu đồng (chiếm 4,69%); vốn đầu tư cho hệ thống chính trị là thấp nhất với 13.470 triệu đồng (chiếm 1,15%). Nhìn chung nguồn vốn đầu tư có xu hướng giảm dần qua các năm từ năm 2019 đến 2023. Do giai đoạn đầu thực hiện XDNTM cần nhiều vốn để đầu tư khắp mọi mặt đời sống,

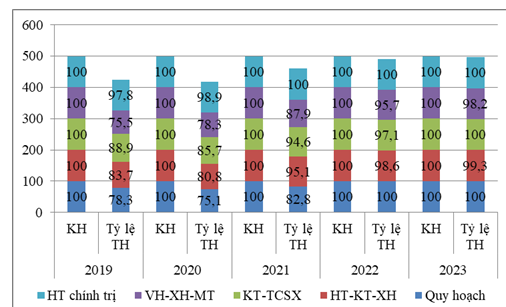
kinh tế, xã hội của địa phương, qua thời gian đầu tư thì dần dần hoàn thiện và cơ bản đáp ứng những tiêu chí NTM nên nhà nước giảm dần nguồn vốn đầu tư cho địa phương.

3.1.3. Các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng giai đoạn 2019 đến 2023

Thực hiện các nhiệm vụ được tỉnh giao, UBND huyện Cái Nước đã triển khai và thực hiện tất cả các dự án được UBND tỉnh giao, bao gồm các dự án: Quy hoạch, hạ tầng – kinh tế – xã hội, kỹ thuật – tiếp cận sản xuất, văn hóa – xã hội – môi trường, hệ thống chính trị. Kế hoạch được giao thực hiện năm 2019 là 33 dự án (triển khai thực hiện 33 dự án); năm 2020 là 30 dự án (triển khai thực hiện 30 dự án); năm 2021 là 19 dự án (triển khai thực hiện 19 dự án); năm 2022 là 22 dự án (triển khai thực hiện 22 dự án); năm 2023 là 16 dự án (triển khai thực hiện 16 dự án).

Nhìn chung, công tác XDNTM từng bước hoàn thiện từ năm 2019 đến 2023, tỷ lệ (%) thực hiện kế hoạch hằng năm từng bước đảm bảo và đạt kế hoạch đề ra trong năm (hình 3.1). Cụ thể nhóm tiêu chí Quy hoạch đạt 78,3% năm 2019, đến năm 2023 đạt 100%; Hạ tầng – kinh tế – xã hội đạt 83,7% năm 2019 đến 2023 đạt 99,3%; Kỹ thuật – tiếp cận sản xuất đạt 88,9% năm 2019 và đạt 100% năm 2023; Văn hóa – xã hội – môi trường đạt 75,5% năm 2019 và đạt 98,2% năm 2023; Hạ tầng chính trị đạt 97,8% năm 2019 và đạt 100% năm 2021. Từ kết quả trên cho thấy có sự cố gắng của các cấp các ngành và toàn thể nhân dân trong huyện quyết tâm xây dựng thành công nông thôn mới và đảm bảo đạt các tiêu chí của chính phủ đề ra, kết quả này nhờ Huyện ủy, UBND huyện, Ban chỉ đạo XDNTM đã thực hiện khá tốt sự điều hành, quản lý nhà nước về XDNTM tại địa phương. Tuy nhiên còn nhiều chỉ tiêu vẫn chưa đạt

100% kế hoạch đề ra, nhưng cơ bản đã đáp ứng được mức độ hoàn thành trên 75%, và vẫn tiếp tục triển khai thực hiện để hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng, phục vụ hoàn thiện nông thôn mới cho nhân dân.



Hình 1. Kế hoạch – Tỷ lệ thực hiện của các dự án giai đoạn 2019-2023

3.2. Đánh giá chung về các tiêu chí đạt được

Qua 5 năm thực hiện chương trình số tiêu chí của các xã đạt chuẩn tăng khá, bình quân từ 13,5 tiêu chí/xã năm 2019 (đạt 71,1%), đến năm 2021 đã đạt 15,5 tiêu chí/xã (tăng 2,0 tiêu chí/xã), đến năm 2023 đã đạt 18,7 tiêu chí/xã (tăng 3,2 tiêu chí/xã so với năm 2020). Đến cuối năm 2023, toàn huyện đã có 8 xã đạt 19/19 tiêu chí được UBND tỉnh quyết định công nhận, đạt 80% số xã trong toàn huyện. Còn lại 2 xã đều đạt từ 17 tiêu chí trở lên, Đến cuối năm 2023 trung bình toàn huyện đạt 18,7 tiêu chí, chiếm 98,4%.

Nhìn chung, chương trình XDNTM đã làm thay đổi nhận thức của cán bộ và người dân, chính sự đồng tình ủng hộ đã thúc đẩy tiến trình xây dựng sớm được hoàn thành. Địa phương đã xây dựng bộ máy tham mưu giúp việc đồng bộ từ huyện đến cơ sở, hoạt động ngày càng chuyên nghiệp, là nòng cốt tổ chức thực hiện chương trình với hiệu quả cao, chất lượng. Đã xây dựng và ban hành các chính sách một cách kịp thời, sát đúng với thực tiễn của địa phương để vận hành chương trình. Hệ thống hạ tầng nông thôn phát triển mạnh mẽ, làm thay

đổi bộ mặt nhiều vùng nông thôn nhất là các vùng khó khăn. Điều kiện sống cả về vật chất lẫn tinh thần của đại bộ phận cư dân nông thôn được nâng cao rõ rệt. Sản xuất nông nghiệp hàng hóa được coi trọng và có chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân. Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2019-2023, các xã đã xây dựng và đạt được những tiêu chí như sau: (1) Năm 2019 có 10 xã đạt 8 tiêu chí bao gồm: về Quy hoạch, về Thủy lợi, về Thông tin và truyền thông, về Nhà dân cư, về Lao động có việc làm, về Giáo dục – đào tạo, về Y tế và Quốc phòng. (2) Cuối năm 2021 có 10 xã đạt 8 tiêu chí bao gồm: về Quy hoạch, về Giao thông, về Thủy lợi, về Hạ tầng thương mại nông thôn, về Thông tin và truyền thông, về Nhà dân cư, về Thu nhập, về Hộ nghèo, về Lao động có việc làm, về Tổ chức sản xuất, về Giáo dục – đào tạo, về Y tế, về Y tế và Quốc phòng. Đến cuối năm 2023 có 8 xã đạt được 10 tiêu chí, Riêng xã Lương Thế Trân còn 02 tiêu chí chưa đạt (Giao thông; Môi trường và an toàn thực phẩm), xã Tân Hưng Đông còn 01 tiêu chí về Môi trường và an toàn thực phẩm.

3.3. Phân tích thực trạng công tác QLNN về XDNTM tại huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau giai đoạn 2019 đến 2023

3.3.1. Công tác ban hành các văn bản chỉ đạo XDNTM

Việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật trong hoạt động XDNTM nhằm điều hành và quản lý hoạt động XDNTM một cách thống nhất. Trên cơ sở Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025. Trên cơ sở các văn bản của Trung ương và của tỉnh,

UBND huyện, Ban chỉ đạo chương trình đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành công tác QLNN về XDNTM, như Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 14/10/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cà Mau về XDNTM tỉnh Cà Mau đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030. Mục tiêu tổng quát: XDNTM đạt tiêu chí quy định, phù hợp với đặc điểm, điều kiện của địa phương; gắn XDNTM với thực hiện có hiệu quả cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn và quá trình đô thị hoá hiệu quả, bền vững; xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ và từng bước hiện đại, bảo đảm vệ sinh môi trường, cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống; thích ứng 3 với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân. Đồng thời UBND tỉnh ban hành một số văn bản như Quyết định 1920/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của UBND tỉnh Cà Mau về Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia XDNTM giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Quyết định 2221/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh Cà Mau về Ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn NTM trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch 98/KH-UBND ngày 18/4/2023 của UBND tỉnh Cà Mau về Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia XDNTM năm 2023 trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Quyết định 76/QĐ-BCĐ ngày 21/10/2022 của Ban chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về việc Ban hành Sổ tay Hướng dẫn thực hiện đối với từng chỉ tiêu, tiêu chí trong Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn NTM, xã đạt chuẩn NTM nâng cao trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021-2025...

Từ đó UBND huyện, BCĐ XDNTM huyện Cái Nước ban hành các quyết định, hướng dẫn nhằm điều chỉnh các

hoạt động XDNTM tại địa phương, xác định quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân XDNTM. Nhìn chung, việc ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành hướng dẫn còn ít, chủ yếu tổ chức thực hiện theo các văn bản của Trung ương, tỉnh về hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, thanh quyết toán các nguồn vốn theo quy định, thành lập, điều chỉnh Ban chỉ đạo XDNTM huyện. Ngoài ra, BCĐ xây dựng Kế hoạch số 01/KH-BCĐ triển khai thực hiện CTMTQG XDNTM giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 và xây dựng chương trình thực hiện hàng năm. Đồng thời tổ chức triển khai quán triệt các quyết định, kế hoạch của Chính phủ, UBND tỉnh, BCĐ cấp tỉnh, cấp huyện đến tất cả cán bộ chủ chốt của huyện, xã; triển khai đến các tổ chức đoàn thể. Chỉ đạo các xã thành lập Ban chỉ đạo, Ban quản lý vốn cấp xã và tổ chức triển khai các văn bản tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới rộng rãi trong quần chúng nhân dân trên địa bàn các xã.

Kết quả điều tra cho thấy, điểm trung bình đánh giá của các nội dung là 3,06 đạt mức trung bình. Tuy nhiên, điểm thành phần nội dung (ii) là 3,42 ở mức khá; nội dung (i) là 3,12 ở mức trung bình và nội dung (iii) là 2,6 ở mức yếu. Như vậy, đối với cơ quan QLNN trong công tác ban hành văn bản chỉ đạo và các chủ trương, chính sách của địa phương cần chú trọng hoàn thiện hệ thống văn bản về chính sách thu hút doanh nghiệp và nhà đầu tư tham gia (i) vào hoạt động XDNTM của địa phương, các chính sách đảm bảo hài hòa lợi ích của nhân dân và của doanh nghiệp trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của cấp trên và nhà nước quy định. Từ đó thúc đẩy doanh nghiệp, nhà đầu tư tham gia vào hoạt động XDNTM trên cơ sở hợp tác bình đẳng các bên cùng có lợi.

3.3.2. Công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chương trình XDNTM

Trong quá trình chỉ đạo, BCĐ và UBND huyện quan tâm đôn đốc, nhắc nhở các xã đẩy nhanh tiến độ lập đề án, tổ chức tuyên truyền và phát triển sản xuất, tích cực huy động nguồn vốn. Tuy nhiên, công tác lập quy hoạch, đề án xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện còn gặp những khó khăn, vướng mắc như: Do quy hoạch xã nông thôn mới có tính toàn diện khó, nhiều tiêu chí phải từ thực trạng đời sống của người dân ở nông thôn, nhất là quy hoạch sản xuất nông nghiệp, giao thông... Ở một số xã việc quy hoạch thiếu tính tổ chức, liên hoàn giữa các ấp; chất lượng lập quy hoạch chưa cao; ý thức về mô hình NTM chưa đầy đủ, sâu sắc nên còn lúng túng; việc lập quy hoạch, đề án có nơi còn chưa khai thác hết tiềm năng, lợi thế của từng xã cũng như tổng thể chung của cả huyện; có xã còn chưa được mô hình hóa, trực quan, công khai rộng rãi để nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm và quyết tâm thực hiện của nhân dân. Cán bộ lãnh đạo một số xã trực tiếp tham gia lập đề án trình độ còn hạn chế, chưa chỉ đạo, tham gia một cách tích cực còn khoán cho đơn vị tư vấn nên dự thảo đề án phải chỉnh sửa rất nhiều lần, nhất là việc đánh giá thực trạng 19 tiêu chí, chưa chi tiết, cụ thể; chưa xác định được các hạng mục, tiêu chí theo thứ tự ưu tiên và còn tập trung quá nhiều vào tiêu chí về hạ tầng, chưa chú trọng tiêu chí về phát triển sản xuất, tăng thu nhập, đời sống của nhân dân. Trung bình điểm đánh giá về công tác quy hoạch, kế hoạch là 3,07 đạt mức trung bình, nội dung thành phần (i), (ii) và (iii) đều đạt mức trung bình. Kết quả đánh giá đã phản ánh công tác quản lý nhà nước về quy hoạch kế hoạch chỉ ở mức trung bình, vì thế các cơ quan chức năng, đặt biệt là các Ban chỉ đạo chương trình XDNTM cần chú trọng và đẩy mạnh

công tác lập quy hoạch và xây dựng các kế hoạch để triển khai thực hiện cần bám sát tình hình thực tế và chú trọng tính cấp thiết, tính khả thi và hiệu quả của quy hoạch, kế hoạch mang lại lợi ích và thiết thực về phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, góp phần nâng cao đời sống vật chất - tinh thần cho người dân, góp phần thành công trong công tác XDNTM của địa phương.

3.3.3. Công tác triển khai thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia XDNTM

Công tác triển khai thực hiện là một công đoạn rất quan trọng trong công tác QLNN về XDNTM, công đoạn này đòi hỏi sự phối hợp, kết nối cả hệ thống các cơ quan chức năng vận hành nhịp nhàng, đồng bộ và sự đồng thuận tham gia của các doanh nghiệp, nhà đầu tư và cả người dân trong triển khai và thực hiện XDNTM. Cần có sự đồng thuận và quyết tâm cao để triển khai thực hiện, đúng thời gian kế hoạch, đầy đủ các nội dung và hạng mục trong XDNTM, đảm bảo thời gian, đạt chất lượng đúng theo kế hoạch, quy hoạch đề ra. Tuy nhiên, kết quả đánh giá cho thấy điểm trung bình của công tác triển khai thực hiện đạt ở mức trung bình (2,63 điểm) là cận trên của mức kém. Nội dung thành phần (ii) và (iii) đều ở mức yếu, riêng nội dung (i) đạt mức trung bình (2,86 điểm). Kết quả này đã phản ánh thực trạng về công tác QLNN trong XDNTM của địa phương trong thời gian qua (2019-2023). Do đó địa phương, Ban chỉ đạo chương trình XDNTM các cấp cần đẩy mạnh và tăng cường bằng nhiều biện pháp, hình thức phù hợp để hiện thực hóa quy hoạch, kế hoạch thông qua hoạt động triển khai thực hiện nhằm đảm bảo công tác vận động, tuyên truyền chủ trương, chính sách về XDNTM sâu rộng trong cán bộ, nhân dân; công tác triển khai các quy hoạch, kế hoạch, chương

trình XDNTM đảm bảo theo quy trình; công tác triển khai các quy hoạch, kế hoạch, chương trình XDNTM đảm bảo đúng thời gian. Trên cơ sở đó từng bước và sớm hoàn thành mục tiêu NMT của địa phương.

3.3.4. Công tác kiểm tra, thanh tra giám sát tình hình thực hiện chương trình XDNTM

Định kỳ hàng quý, năm, ban quản lý XDNTM cấp xã báo cáo tình hình về ban chỉ đạo của huyện, tỉnh và HĐND 02 cấp thực hiện giám sát thường xuyên thông qua các vị đại biểu ở các ấp, thông qua các hội nghị tiếp xúc cử tri, trao đổi thông tin, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, những vấn đề nổi cộm xoay quanh các vấn đề nông thôn mới. Kết quả đánh giá về công tác kiểm tra, thanh tra giám sát về chương trình XDNTM của địa phương cho thấy, trung bình điểm đánh giá là 3,17 đạt mức trung bình, các nội dung đánh giá thành phần (i) và (iii) đều đạt mức trung bình, riêng nội dung thành phần (ii) là 3,60 điểm và đạt mức khá. Điều này cho thấy hoạt động định kỳ tự kiểm tra giám sát việc thực hiện XDNTM ở địa phương của BCD chương trình, UBND huyện, UBND xã đạt mức khá, cơ bản đáp ứng yêu cầu trong công tác QLNN về XDNTM tại địa phương. Tuy nhiên, đối với việc kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện XDNTM của cơ quan QLNN cấp trên chưa thường xuyên (3,04 điểm), đồng thời chưa phát huy tối đa vai trò kiểm tra, giám sát của nhân dân về XDNTM tại địa phương (2,86 điểm).

Như vậy trong thời gian tới, BCD chương trình, UBND huyện, UBND xã, các ngành chức năng cần quan tâm hơn nữa về công tác kiểm tra, thanh tra giám sát, đồng thời phát huy tối đa vai trò giám sát của nhân dân về thực hiện XDNTM ở địa phương. Kiểm tra, thanh tra giám sát là hoạt động rất tích cực,

nhằm thúc đẩy tiến độ và thực hiện các hạng mục công trình đảm bảo thời gian, chất lượng và hiệu quả. Ngoài ra còn sớm phát hiện những tiêu cực, sai sót để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với quy hoạch, kế hoạch và các nội dung, hạng mục công trình triển khai thực hiện tại địa phương.

3.4. Những khó khăn và tồn tại

3.4.1. Công tác ban hành văn bản

Việc huy động các nguồn lực rất hạn chế do hệ thống văn bản thu hút đầu tư chưa đầy đủ, các cơ chế hỗ trợ khuyến khích đối với cộng đồng chưa thực hiện tốt; Cơ chế hiện tại không đủ hấp dẫn để thu hút doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư XDNTM như quyền và lợi ích của nhà đầu tư và của người dân. Quy định về việc công khai minh bạch và trách nhiệm giải trình tài chính XDNTM của chính quyền địa phương chưa cụ thể, nên một số địa phương chưa thực hiện tốt theo yêu cầu, từ đó làm thiếu sự đồng thuận, sự tin tưởng của người dân và doanh nghiệp. Theo điểm đánh giá tổng thể của “công tác ban hành văn bản” là 3,06 điểm đạt mức xếp loại “trung bình” trong công tác QLNN về XDNTM.

3.4.2. Công tác quy hoạch, kế hoạch

Công tác lập quy hoạch, kế hoạch xây dựng nông thôn mới tại các xã tiến hành còn chậm và gặp nhiều khó khăn do vùng sâu, vùng xa, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống; lực lượng tư vấn còn thiếu kinh nghiệm chưa sát với tình hình cụ thể từng địa phương. Quy hoạch được phê duyệt nhưng phát sinh nhiều nội dung cần điều chỉnh, nhất là quy hoạch sản xuất nông nghiệp, giao thông nhưng chậm được điều chỉnh; việc cấm mốc, quản lý quy hoạch chậm thực hiện được do thiếu nguồn kinh phí, quá trình thực hiện quy hoạch chưa bám sát nội dung ưu tiên nên khi trình thẩm định phải điều chỉnh, sửa chữa nhiều

lần, làm kéo dài thời gian hoàn thành. Theo điểm đánh giá tổng thể của “công tác quy hoạch, kế hoạch” là 3,07 điểm đạt mức xếp loại “trung bình” trong công tác QLNN về XDNTM.

3.4.3. Công tác triển khai thực hiện

Công tác triển khai thực hiện chương trình có lúc, có nơi chưa quan tâm đúng mức; nhận thức của một bộ phận cán bộ, nhân dân còn chưa thật đầy đủ; sự lãnh đạo, chỉ đạo ở một số xã còn chưa sâu sát, thiếu quyết liệt. Một số phòng, ban ngành thuộc UBND huyện chưa chủ động tham mưu, đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình XDNTM; sự phối hợp giữa một số phòng, ban ngành và phối hợp với các xã chưa chặt chẽ; việc lồng ghép các chương trình, đề án, dự án trên địa bàn chưa mang lại hiệu quả cao. Theo điểm đánh giá tổng thể của “công tác triển khai thực hiện” là 2,63 điểm đạt mức xếp loại “trung bình” trong công tác QLNN về XDNTM.

3.4.4. Công tác kiểm tra, thanh tra giám sát

Công tác kiểm tra, giám sát xây dựng nông thôn mới còn nhiều bất cập, mặt dù công tác kiểm tra được thực hiện theo định kỳ nhất là công tác đầu tư và xây dựng vẫn còn sai sót yếu kém trong quá trình thực hiện; công tác thống kê, báo cáo của các xã còn sơ sài, chưa đúng hướng dẫn quy định nên khó khăn trong công tác kiểm tra, giám sát tại các xã xây dựng nông thôn mới. Năng lực cán bộ lãnh đạo một số xã còn hạn chế, thiếu chủ động, chưa tích cực trong việc triển khai chương trình, việc phối hợp với đơn vị tư vấn chưa kịp thời, sát sao, còn “khoán trắng” cho đơn vị tư vấn dẫn đến tiến độ thực hiện chậm so với kế hoạch. Cán bộ theo dõi XDNTM cấp xã năng lực còn hạn chế, lúng túng và chưa thật sự sâu sát với chương trình. Một số phòng, ban ngành của huyện chưa chủ

động, tích cực trong việc phối hợp chỉ đạo các xã theo tiêu chí ngành dọc; chưa sâu sát để nắm bắt tình hình và tham mưu, chỉ đạo, hướng dẫn cơ sở; còn tư tưởng ỷ lại, coi đây là trách nhiệm riêng của ngành NN&PTNN. Một số thành viên BCD chưa tích cực đi cơ sở hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc công tác XDNTM tại địa bàn được phân công. BCD, UBND các xã chưa có kế hoạch và giải pháp cụ thể nhằm phát huy các nguồn lực trong cộng đồng dân cư. Theo điểm đánh giá tổng thể của “công tác kiểm tra, thanh tra giám sát” là 3,17 điểm đạt mức xếp loại “trung bình” trong công tác QLNN về XDNTM.

4. Các giải pháp hoàn thiện công tác QLNN trong XDNTM tại huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau đến năm 2030

4.1. Nâng cao chất lượng và củng cố hệ thống văn bản ban hành

Nâng cao chất lượng văn bản ban hành: (i) Tăng cường đào tạo và nâng cao kiến thức chuyên môn về quy trình và pháp lý liên quan đến việc ban hành văn bản trong lĩnh vực xây dựng nông thôn mới cho cán bộ, công chức và các đơn vị liên quan. (ii) Đảm bảo công bằng và minh bạch trong quá trình soạn thảo, xem xét, thông qua và ban hành các văn bản. (iii) Áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý và ban hành văn bản. (iv) Xây dựng và duy trì các cơ chế kiểm tra và đánh giá hiệu quả của các văn bản đã được ban hành. (v) Tăng cường thông tin và tuyên truyền về các văn bản mới được ban hành. (vi) Đảm bảo sự liên kết và phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan trong quá trình ban hành văn bản. (vii) Kiểm soát và đảm bảo chất lượng văn bản được ban hành thông qua việc đảm bảo tính đúng đắn, rõ ràng, phù hợp và hiệu quả của nội dung, ngôn ngữ và hình thức. (viii) Xây dựng và quản lý hệ thống lưu trữ văn bản để đảm bảo tính tổ chức, tiện lợi và dễ dàng

trong việc sử dụng. (ix) Thực hiện công tác hướng dẫn, đào tạo và tư vấn để nâng cao nhận thức và kỹ năng của cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan về quy trình và quy định ban hành văn bản. (x) Đánh giá và đề xuất các biện pháp cải tiến để nâng cao hiệu suất và hiệu quả của quá trình ban hành văn bản.

Củng cố hệ thống văn bản ban hành:

Tạo điều kiện thuận lợi cho thu hút đầu tư và phát triển: (i) Tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi: Cung cấp các chính sách hỗ trợ đầu tư và phát triển nông thôn mới, giảm bớt thủ tục hành chính, tăng cường giám sát và quản lý chất lượng xây dựng. (ii) Hỗ trợ tài chính: Cung cấp các chương trình tài chính và vay vốn ưu đãi cho các doanh nghiệp và cá nhân muốn đầu tư và phát triển nông thôn mới. (iii) Xây dựng cộng đồng: Tạo ra các chương trình và hoạt động xã hội nhằm tăng cường niềm tin và sự đoàn kết trong cộng đồng nông thôn mới, giúp tạo ra một môi trường sống tốt đẹp và hấp dẫn cho các nhà đầu tư. (iv) Đào tạo và phát triển nhân lực: Đầu tư vào đào tạo và phát triển năng lực cho lao động nông thôn, nhằm cung cấp nhân lực có kỹ năng và kiến thức phù hợp với yêu cầu của các ngành nghề trong nông thôn mới. (v) Tạo môi trường bảo vệ môi trường: Đảm bảo các hoạt động đầu tư và phát triển nông thôn mới tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, nhằm bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và đảm bảo sự bền vững cho nông thôn mới. (vi) Đảm bảo cơ sở hạ tầng: Đầu tư vào cơ sở hạ tầng giao thông, điện, nước và viễn thông để giúp nông thôn mới kết nối tốt với các khu vực khác và thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa và giao dịch kinh doanh.

4.2. Cải thiện công tác quy hoạch, kế hoạch

(i) Nâng cao năng lực và chất lượng cán bộ quản lý: Đầu tiên, cần đào tạo và

nâng cao kiến thức chuyên môn cho cán bộ quản lý liên quan đến lĩnh vực quy hoạch và xây dựng nông thôn mới. (ii) Tăng cường tương tác và tham gia của cộng đồng: Quy hoạch và xây dựng nông thôn mới không chỉ nằm trong trách nhiệm của chính quyền địa phương mà cần có sự tham gia và đóng góp của cộng đồng. (iii) Đưa ra mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể: Công tác quy hoạch và kế hoạch cần phải đặt ra mục tiêu rõ ràng và chỉ tiêu cụ thể để định hướng công việc và đo lường kết quả. (iv) Sử dụng công nghệ thông tin: Áp dụng công nghệ thông tin trong quy hoạch và kế hoạch xây dựng nông thôn mới có thể giúp cải thiện hiệu quả công việc. (v) Thiết lập cơ chế kiểm tra và đánh giá: Để đảm bảo chất lượng công tác quy hoạch và xây dựng nông thôn mới, cần thiết lập cơ chế kiểm tra và đánh giá định kỳ để kiểm tra tiến độ và chất lượng công việc.

4.3. Đẩy mạnh công tác triển khai thực hiện

(i) Tăng cường tuyên truyền và nâng cao nhận thức: Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, thông tin, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về ý nghĩa và lợi ích của xây dựng nông thôn mới. (ii) Quy hoạch và tiến hành đánh giá thực trạng: Tiến hành đánh giá thực trạng của các khu vực nông thôn, xác định những vấn đề chính cần được giải quyết và lập kế hoạch quy hoạch phù hợp. (iii) Xây dựng chính sách và cơ chế hỗ trợ: Đưa ra các chính sách, quy định, cơ chế hỗ trợ về tài chính, vốn đầu tư, chính sách thuế... để tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động xây dựng nông thôn mới. (iv) Thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn: Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ nông thôn, tạo ra việc làm và gia tăng thu nhập cho người dân. (v) Đổi mới công tác quản lý đô thị và nông thôn: Cải cách

hệ thống quản lý công tác xây dựng nông thôn mới, tạo điều kiện thuận lợi cho cộng đồng tham gia vào quyết định và thực hiện các hoạt động xây dựng. (vi) Tăng cường hợp tác đa phương: Xây dựng các liên kết và hợp tác giữa các địa phương, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, các nhóm người dân để cùng nhau thực hiện xây dựng nông thôn mới. (vii) Đảm bảo tài chính và nguồn lực: Đầu tư tài chính từ các nguồn vốn nhà nước, huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân và kết hợp với nguồn lực cộng đồng để thực hiện các dự án xây dựng nông thôn mới. (viii) Kiểm tra và đánh giá: Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ về quá trình triển khai và thực hiện xây dựng nông thôn mới, từ đó điều chỉnh và hoàn thiện các biện pháp, chính sách để đạt hiệu quả tốt nhất.

4.4. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra giám sát

(i) Đào tạo và nâng cao năng lực cán bộ: Cung cấp đào tạo chuyên môn, kỹ năng cho cán bộ kiểm tra, thanh tra giám sát để nâng cao kiến thức và kỹ thuật trong lĩnh vực xây dựng nông thôn mới. (ii) Thiết lập kế hoạch kiểm tra, thanh tra rõ ràng: Xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra chi tiết, ghi rõ thời gian, địa điểm và nội dung kiểm tra, thanh tra để đảm bảo công tác được triển khai đầy đủ và hiệu quả. (iii) Sử dụng công nghệ thông tin: Áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giám sát, sử dụng phần mềm, ứng dụng để quản lý thông tin, tạo báo cáo tự động, giúp tiết kiệm thời gian và tăng độ chính xác trong công tác kiểm tra, thanh tra. (iv) Tăng cường sự phối hợp và liên kết: Tạo ra môi trường hợp tác và liên kết giữa các đơn vị liên quan như chính quyền địa phương, cơ quan quản lý xây dựng, các cơ quan chức năng, và người dân để phối hợp thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra giám sát. (v) Tạo cơ chế khen thưởng và xử lý vi phạm:

Xây dựng cơ chế khen thưởng và xử lý vi phạm rõ ràng để động viên và khuyến khích cán bộ trong công tác kiểm tra, thanh tra giám sát. Đồng thời, áp dụng biện pháp xử lý nghiêm minh đối với các vi phạm, tạo ra sự cảnh báo và đánh giá đến tất cả các bên liên quan. (vi) Tăng cường tuyên truyền và phổ biến thông tin: Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến thông tin về công tác kiểm tra, thanh tra giám sát xây dựng nông thôn mới đến đại chúng, nhằm tăng hiểu biết và tham gia của người dân trong việc giám sát xây dựng nông thôn mới.

5. Kết luận

Chương trình xây dựng nông thôn mới (XDNTM) tại Việt Nam đã và đang mang lại nhiều thành tựu đáng kể, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn. Qua phân tích và đánh giá, bài viết đã chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu cũng như các khó khăn và tồn tại trong công tác quản lý nhà nước về XDNTM. Mặc dù đạt được nhiều kết quả tích cực, chương trình XDNTM vẫn còn đối mặt với nhiều thách thức như nguồn lực tài chính hạn chế, thiếu hụt nhân lực có trình độ, và sự chênh lệch phát triển giữa các vùng miền. Để khắc phục những khó khăn này, cần có các giải pháp đồng bộ và toàn diện. Một số giải pháp đề xuất bao gồm: (i) Nâng cao chất lượng ban hành văn bản; (ii) Cải thiện công tác quy hoạch, kế hoạch; (iii) Đẩy mạnh công tác triển khai thực hiện; (iv) Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra giám sát. Nhìn chung, để nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong XDNTM, cần sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp chính quyền, sự tham gia tích cực của người dân và doanh nghiệp, cùng với sự hỗ trợ mạnh mẽ từ các chính sách của nhà nước. Chỉ khi có sự đồng lòng và nỗ lực của toàn xã hội, chương trình

XDNTM mới có thể đạt được các mục tiêu đã đề ra, góp phần xây dựng một nông thôn Việt Nam ngày càng giàu đẹp, văn minh và bền vững.

Tài liệu tham khảo

- [1] Chính phủ, Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020, Hà Nội, 2010.
- [2] Phạm Kim Giao, *Giáo trình quản lý Nhà nước về nông thôn*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2009.
- [3] Đặng Kim Sơn, *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam: Hôm nay và mai sau*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008.
- [4] Hoàng Vũ Quang, Nghiên cứu đóng góp của hộ nông thôn vào các hoạt động kinh tế xã hội địa phương, Đề tài nghiên cứu khoa học, Viện Chính sách và chiến lược phát triển NNNT, 2014.
- [5] Park, J. và cộng sự, "Saemaul Undong in Korea: Lessons for Developing Countries," *World Development*, vol. 30, no. 4, pp. 617-637, 2002.
- [6] Zhang, Y. và Li, X., "Rural Development Policies in China: A Review," *Journal of Rural Studies*, vol. 42, pp. 52-61, 2015.
- [7] Patel, R. và cộng sự, "Rural Development in India: An Analysis of Socio-Economic Factors," *Indian Journal of Agricultural Economics*, vol. 73, no. 2, pp. 345-361, 2018.
- [8] Nguyễn Phú Hùng, Chính sách và chiến lược phát triển nông thôn mới ở Việt Nam, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, vol. 12, no. 1, pp. 45-52, 2015.
- [9] Trần Minh Dũng, Đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính trong chương trình xây dựng nông thôn mới, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, vol. 8, no. 3, pp. 67-74, 2017.
- [10] Lê Thị Hà, Hệ thống giám sát và đánh giá trong xây dựng nông thôn mới, *Tạp chí Xây dựng Đảng*, vol. 9, no. 4, pp. 101-108, 2019.
- [11] Vũ Hữu Nam, Vai trò của cộng đồng trong phát triển nông thôn mới, *Tạp chí*

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,
vol. 15, no. 2, pp. 23-29, 2020

- [12] Phạm Thị Minh, Thách thức và giải pháp trong công tác quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới, *Tạp chí Khoa học xã hội*, vol. 22, no. 1, pp. 80-88, 2021.
- [13] Phạm Hồng Thái, *Quản lý nhà nước*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009.
- [14] Nguyễn Hữu Hải, *Lý thuyết và thực tiễn quản lý nhà nước*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2011.
- [15] Phạm Đi, *Xây dựng NTM ở Việt Nam hiện nay (Nghiên cứu vùng Duyên hải Nam Trung bộ)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016.

Ngày nhận bài: 02/08/2024

Ngày hoàn thành sửa bài: 13/08/2024

Ngày chấp nhận đăng: 13/08/2024